ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, người đứng đầu tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (HN-TPHCM);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB & TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Đảng ủy UBND TP;
- Chủ tịch, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN và các đoàn thể TP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Sở, ban, ngành TP;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP;
- VP UBND TP (2,3,4,5,6,7);
- Lưu: VT, ĐTS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khởi

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thẩm quyền ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; điều kiện, thẩm quyền cử và quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và đền bù chi phí đào tạo; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng (gọi chung là cơ quan, đơn vị).

2. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng cán bộ, công chức, viên chức sau đào tạo, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng từ hai khóa học trở lên trong cùng một thời gian tập trung học tập.

5. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải xem đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ là nhiệm vụ bắt buộc. Kết quả tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ theo vị trí việc làm và đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong năm. Gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị.

Chương II
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Căn cứ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của thành phố, của cơ quan, đơn vị và nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 3 Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hằng năm trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối tượng được đưa vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được cử đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành; mục tiêu kế hoạch phải được lượng hóa thành các chỉ tiêu cụ thể và có tính khả thi; nội dung kế hoạch phải phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển nguồn nhân lực của thành phố và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách hoặc khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Thẩm quyền ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chung của thành phố hằng năm, gồm:

a) Đào tạo sau đại học (chỉ tiêu và lĩnh vực đào tạo).

b) Các lớp bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với lãnh đạo, quản lý; tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số và các lớp bồi dưỡng khác theo nhu cầu của thành phố sử dụng ngân sách của thành phố.

2. Các sở, ban, ngành, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hằng năm trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6. Trình tự ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm

1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành:

a) Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

b) Cơ quan, đơn vị rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm sau liền kề và gửi văn bản về Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 9.

c) Sau khi tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ dự toán kinh phí, trình Ủy ban nhân dân thành phố vào tháng 12 hàng năm.

2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch.

Chương III
ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 7. Điều kiện cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Điều kiện cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung năm 2021; Điều 5, Điều 28 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; phù hợp với vị trí việc làm, nhu cầu sử dụng của cơ quan, đơn vị; đáp ứng các yêu cầu khác theo từng chương trình, đề án, kế hoạch (nếu có) và không thuộc các trường hợp không được cử đi đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp không xem xét cử đi đào tạo, bồi dưỡng

a) Cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo nguyện vọng riêng của bản thân, không đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị; chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm.

b) Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức (do Sở Nội vụ thẩm định trình) tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng sau đây:

a) Đào tạo tiến sĩ.

b) Đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước.

2. Các sở, ban, ngành; tổ chức hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong nước sau:

a) Đào tạo sau đại học: Chuyên khoa cấp II, thạc sĩ, chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Đào tạo đại học theo yêu cầu nâng chuẩn cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị.

c) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo vị trí việc làm và các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành, chi cục thuộc sở và Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước có thời gian dưới một năm trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng do sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

Điều 9. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong nước

Sau khi kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức báo cáo kết quả học tập (kèm bản sao các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận) về cơ quan, đơn vị nơi công tác.

2. Đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm báo cáo kết quả học tập theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Điều 12, Điều 13 Thông tư số 03/2026/TT-BNV ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, đồng thời gửi báo cáo về Sở Nội vụ (01 bản) để theo dõi.

Chương IV
KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG; KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ ĐỀN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 10. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng

1. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ ngoài giờ hành chính bằng nguồn kinh phí tự túc hoặc nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng điều kiện đào tạo, bồi dưỡng tự tìm học bổng nước ngoài hoặc các tổ chức hợp pháp tài trợ để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kiến thức hội nhập quốc tế. Khi phát sinh trường hợp ngoài kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của Ủy ban nhân dân thành phố xin được học bổng nước ngoài, cơ quan, đơn vị đề nghị về Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn (thời gian được cơ quan có thẩm quyền cử đào tạo), có thành tích, kết quả học tập xuất sắc được cơ sở đào tạo công nhận được ưu tiên xem xét, giới thiệu để quy hoạch vào các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp; ưu tiên xem xét trong việc đề cử vào vị trí việc làm có ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch, chức danh hiện giữ.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo theo Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và các văn bản quy định pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

5. Căn cứ điều kiện thực tế và cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ học phí đối với các đối tượng dự nguồn khi tham gia các lớp đào tạo theo chương trình, đề án của thành phố.

Điều 11. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố và Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Đền bù chi phí đào tạo

1. Đối tượng đền bù chi phí đào tạo

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo quy định tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và quy định tại Điều 6 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

2. Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù và điều kiện được giảm chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Điều 7 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

3. Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo

a) Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng: đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Khi phát sinh trường hợp đền bù chi phí đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ báo cáo về Sở Nội vụ để đề nghị thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo. Đồng thời, đề xuất cử 03 thành viên tham gia Hội đồng đền bù chi phí đào tạo, gồm: 01 đại diện tổ chức công đoàn (trường hợp cơ quan, đơn vị không có tổ chức công đoàn thì cử 01 đại diện cấp ủy của cơ quan, đơn vị), 01 đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và 01 đại diện bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan chi trả các khoản chi phí cho khóa học.

b) Thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Hội đồng:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý (trừ đối tượng tại điểm a khoản 3 Điều này). Thành phần Hội đồng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Điều 10 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

4. Hoạt động của Hội đồng xét đền bù, quyết định đền bù và việc trả, thu hồi chi phí đền bù thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC LỚP BỒI DƯỠNG

Điều 13. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng

1. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm tổ chức lớp bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng.

2. Bố trí thời gian và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý nghiên cứu tài liệu, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên đề, đi công tác thực tế nhằm bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác giảng dạy.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong việc tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng

1. Tham gia giảng dạy đảm bảo thời gian, nội dung, chất lượng theo chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo kế hoạch giảng dạy của cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lớp bồi dưỡng. Trường hợp vì lý do đặc biệt không tham gia giảng dạy, phải thông báo cho cơ quan, đơn vị tổ chức lớp trước thời hạn lên lớp ít nhất 07 ngày và có xác nhận của cơ quan, đơn vị.

2. Được tạo điều kiện về thời gian, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; được hưởng thù lao và các chế độ, quyền lợi khác theo quy định.

3. Kết quả tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Nội vụ

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, trình Ủy ban nhân dân thành phố và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, đột xuất theo quy định.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 16. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 17. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Tổ chức đánh giá chất lượng bồi dưỡng khi được giao tổ chức lớp theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV và Thông tư số 03/2026/TT-BNV.

3. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được phê duyệt; số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã tổ chức, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15 tháng 12 (đối với báo cáo năm).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.